

chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bãi bỏ Nghị định số 79/CP ngày 19 tháng 6 năm 1997 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.

Điều 41. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 120/2004/QĐ-TTg ngày 05/7/2004 về một số chế độ đối với người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị hậu quả do nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp theo Quyết định này bao gồm:

1. Cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân, cán bộ dân chính Đảng, thanh niên xung phong tham gia công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại các vùng bị Mỹ sử dụng chất độc hóa học trong chiến tranh Việt Nam từ tháng 8 năm 1961 đến 30 tháng 4 năm 1975, đang không hưởng trợ cấp bệnh binh hoặc trợ cấp mất sức lao động mà sinh

con dị dạng, dị tật hoặc vô sinh do hậu quả chất độc hóa học và thuộc các mức độ sau:

a) Bị mắc bệnh hiểm nghèo do nhiễm chất độc hóa học, không còn khả năng lao động.

b) Bị mắc bệnh do nhiễm chất độc hóa học, bị suy giảm khả năng lao động.

2. Con đẻ còn sống của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, con đẻ của bệnh binh, con đẻ của công nhân viên chức mất sức lao động mà bị hậu quả do nhiễm chất độc hóa học và thuộc mức độ sau:

a) Bị dị dạng, dị tật nặng, không có khả năng lao động, không tự lực được trong sinh hoạt.

b) Bị dị dạng, dị tật, không có khả năng lao động nhưng còn tự lực được trong sinh hoạt.

Điều 2.

1. Mức trợ cấp bằng 300.000 đồng/người/tháng đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1.

2. Mức trợ cấp bằng 165.000 đồng/người/tháng đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1.

3. Mức trợ cấp bằng 170.000 đồng/người/tháng đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1.

4. Mức trợ cấp bằng 85.000 đồng/

người/tháng đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1.

Điều 3.

1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1, già yếu, cô đơn không nơi nương tựa và đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1, mồ côi cả cha và mẹ được xét tiếp nhận nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội.

2. Đối tượng được hưởng trợ cấp theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này, nếu chưa được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thì được Nhà nước mua bảo hiểm y tế với mức 3% lương tối thiểu.

3. Học sinh, sinh viên là con của đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 đang học tại các trường thuộc hệ thống giáo dục, đào tạo của Nhà nước mà không hưởng lương hoặc sinh hoạt phí thì được hưởng chế độ ưu đãi về giáo dục và đào tạo như quy định đối với con của bệnh binh mất sức lao động từ 61% đến 70% như quy định tại Điều 64 của Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ.

4. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng, không thuộc diện hưởng chế độ mai táng phí khi chết thì người đảm nhiệm việc chôn cất được trợ cấp phí mai táng đối với bệnh binh mất sức lao động khi chết như quy định tại Điều 39 của Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ.

5. Những đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 và tại điểm b khoản 2 Điều 1 còn khả năng lao động, thuộc diện đói nghèo được ưu tiên vay vốn từ Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm, Quỹ Xóa đói, giảm nghèo để sản xuất, kinh doanh cải thiện đời sống.

Điều 4.

1. Kinh phí thực hiện các chế độ trợ cấp: hàng tháng, ưu đãi giáo dục, đào tạo, bảo hiểm y tế, mai táng phí quy định tại Quyết định này được bố trí trong nhiệm vụ chi đảm bảo xã hội hàng năm của địa phương như quy định hiện hành.

Kinh phí tăng thêm trong năm 2004 do bổ sung đối tượng và điều chỉnh mức trợ cấp để hỗ trợ cho các địa phương được hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2004.

2. Thời gian bắt đầu thực hiện chế độ trợ cấp theo quy định của Quyết định này từ ngày 01 tháng 7 năm 2004.

Đối tượng đang hưởng chế độ trợ cấp theo quy định của Quyết định số 26/2000/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ được hưởng trợ cấp theo quy định của Quyết định này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004.

Đối tượng quy định tại Điều 1 Quyết định này, được lập hồ sơ làm thủ tục đề nghị xác nhận là đối tượng hưởng chế độ trợ cấp từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau thì được hưởng chế độ trợ cấp

theo quy định của Quyết định này kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định.

Điều 5.

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm quy định, hướng dẫn thực hiện về nội dung hồ sơ, thủ tục xác nhận và kiểm tra việc thực hiện chế độ trợ cấp cho đối tượng hưởng chính sách này ở các địa phương trong cả nước.

2. Bộ Y tế chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc xác định các bệnh tật, mức độ dị dạng, dị tật và khả năng lao động đối với những người thuộc diện quy định tại Điều 1, làm căn cứ xác định mức trợ cấp theo quy định của Quyết định này.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm bảo đảm nguồn ngân sách và hướng dẫn sử dụng nguồn kinh phí chi cho đối tượng được quy định tại Quyết định này.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Quyết định này theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

Điều 6. Quyết định này thay thế Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 26/2000/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2000 và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 7. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 122/2004/QĐ-TTg ngày 05/7/2004 phê duyệt Chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chương trình Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn từ nay đến năm 2010” (Chương trình NTMN) với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung:

- Xây dựng các mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ tiên tiến phù hợp vào các khâu sản xuất, chế biến, bảo quản tại các địa bàn nông thôn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa trên thị trường trong và ngoài nước, từng bước hình thành thị trường công nghệ và dịch vụ ở nông thôn tạo đà cho việc ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, miền núi theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

- Liên kết và phối hợp giữa Chương trình này với các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của vùng, của địa